

Bản án số: 195/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 20/11/2018

“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc An

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Hữu Minh

2. Bà Lý Thị Bạch Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đồng- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 530/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 181/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Minh S**, sinh năm 1977.

- Bị đơn: Bà **Phan Thị Đ**, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: Số 638, tổ 12, ấp 1B, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Ông S có mặt, bà Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 13/7/2018 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Huỳnh Minh S trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Phan Thị Đ xây dựng gia đình vào năm 1998, không tổ chức đám cưới, không đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung sau này không hạnh phúc thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn trầm trọng hơn từ năm

2005 đến nay hai bên đã có cuộc sống riêng nên ông S làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Đ.

Về con chung: Có hai con chung tên Huỳnh Ngọc P, sinh năm 1999 và Huỳnh Minh L, sinh năm 2000, các con đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Quá trình Tòa án tiến hành tố tụng bà Phan Thị Đ không có ý kiến.*

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án: Đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn; Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của ông S; giấy phép lái xe của bà Đ; khai sinh và chứng minh nhân dân cháu P và cháu L; bản tự khai của ông S; biên bản xác minh tại địa phương; biên bản làm việc; thủ tục phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn như cung cấp tài liệu, chứng cứ được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa ông S và bà Đ là quan hệ hôn nhân không hợp pháp. Có hai con chung tên Huỳnh Ngọc P, sinh năm 1999 và Huỳnh Minh L, sinh năm 2000. Căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị Tòa án tuyên bố ông S và bà Đ không phải là vợ chồng. Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai về việc tham gia phiên tòa đối với bị đơn bà Phan Thị Đ nhưng bà Đào vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Đ.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Ông S và bà Đ chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên ông Sang có đơn ly hôn. Xét thấy, việc ông S và bà Đ chung sống với nhau như

vợ chồng từ năm 1998, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án tuyên bố “Không công nhận quan hệ vợ chồng” giữa ông Huỳnh Minh S và bà Phan Thị Đ.

Về con chung: Có hai con chung tên Huỳnh Ngọc P, sinh năm 1999 và Huỳnh Minh L, sinh năm 2000, đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Ông S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 14, Điều 53, Điều 57, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Huỳnh Minh S và bà Phan Thị Đ.

- Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông Huỳnh Minh S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 006507 ngày 16/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, ông S đã nộp xong án phí.

Ông Huỳnh Minh S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Phan Thị Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND h. Long Thành (1);
- Chi cục THADS h. Long Thành (1);
- UBND xã Phước Thái (01);
- Đương sự (2);
- Lưu (3).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc An